

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :304

sáng; Hủ tít thòt tom mốc ca rot nam mốp
gia hẻ
Sữa grow
Trổa : Côm chà ca rím xì dàu. canh rong
biền nầu hủ non nam rôm thòt heo nạc tom
kho ngo rí
Món lưoc: súp lô trắng, xanh
Trang mieng: Lẻ
Xe: Sữa grow
Xe chieu: Cháo thòt cá hỏi cá rot

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36980				
STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Tom bien	1,200	35,180	422,160
4	Mốc tồi	1,000	33,500	335,000
5	Chà cá ba sa	9,000	11,220	1,009,800
6	Cá hỏi	2,500	48,300	1,207,500
7	Súp lơ xanh*	2,000	8,610	172,200
8	Nhớt măm Cá (loại 1)	4,000	5,940	237,600
9	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
10	Nhông cat	3,000	3,780	113,400
11	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
12	Xì dàu	3,000	990	29,700
13	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
14	Hủ tít	16,000	1,820	291,200
15	Nấu phụ (nấu hủ)	3,500	3,300	115,500
16	Hạnh lả	1,200	5,360	64,320
17	Hạnh củ tồi	1,000	5,780	57,800
18	Già nầu xanh	1,000	2,520	25,200
19	Cá rot	5,000	5,460	273,000
20	Súp lơ	2,000	8,930	178,600
21	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
22	Mốp	2,000	3,990	79,800
23	Hẻ lả	100	4,520	4,520
24	Rau sàm	2,000	17,050	341,000
25	Rau ngo (Rau mủi)	200	8,820	17,640
26	Thòt lỏn nạc	5,700	18,380	1,047,660
27	Quả lẻ	20,000	10,080	2,016,000
Cong				9,232,900
	*XUẤT KHO			
28	Sữa bột Abbot Grow	9,800	20,500	2,009,000
Cong				2,009,000
Tổng tiền thực phẩm				11,241,900 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nhớt chi trong ngày				11248000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				6100(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				